

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Ông Lê Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS, ngày 07/03/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1984.(Có mặt)

Địa chỉ: Số 177 ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

- Bi đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 177 ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/1/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N trình bày:

Vào năm 2004 bà và ông N1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh S. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến tháng 2/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2017 đến nay. Ngoài ra tại phiên tòa bà N trình bày thêm là mẹ ruột của ông N1 thường hay đánh bà, ông N1 lại bệnh vực mẹ mình, vì vậy mâu thuẫn mẹ chồng con dâu ngày càng trầm trọng, từ khi ly thân cho đến nay thì ông N1 không quan tâm gì đến con chung . Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 24/07/2005, hiện nay đang sống với bà N. Nay về con chung bà xin yêu cầu được nuôi con, bà không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên bà Nhiên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N1 thì sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn N1 vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N1 theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- *Về hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn N1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tú 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và cuối cùng bà N và ông N1 sống ly thân nhau từ tháng 03/2017 cho đến nay.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông N1 và bà N không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, có sự mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông N1 không còn quan tâm gì đến vợ con và ông bà đã ly thân nhau thời gian đã lâu không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông N1 là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông N1 và bà N đã có với nhau một con chung Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 24/07/2005, hiện nay đang sống với bà N. Nay về con chung bà xin yêu cầu được nuôi con, bà không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ trước đến nay cháu V sống chung với bà N, ông N1 không quan tâm chăm sóc gì đến con chung, nguyện vọng của cháu V cũng xin được sống với mẹ, do đó cần tiếp tục để cháu được sống chung với mẹ và giao cháu V cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội** thì bà N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là xét xử cho bà N được ly hôn với ông N1, về con chung giao cho bà N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thúy V, ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy ý kiến và yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé N.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với ông Nguyễn Văn N1.

- Về con chung: Bà Nhiên được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 24/07/2005 đến tuổi trưởng thành. Ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho ông N1 không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0008960, ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn N1 thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;

- Chi cục THADS huyện MX;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- *Tòa án tỉnh ST;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

Mai Thị Dương Hải

